



Asset  
Management

**Phụ lục XXIV: Mẫu báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng**  
**Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)  
(Issued in association with Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Minister of Finance)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Tại ngày 11 tháng 11 năm 2025 / As at 11 Nov 2025

|   |                                                             |                                                                                                           |
|---|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | <b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b><br>Fund Management Company: | <b>Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI</b><br>SSI Asset Management Company Limited                               |
| 2 | <b>Ngân hàng giám sát:</b><br>Supervisory bank:             | <b>Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)</b><br>Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited      |
| 3 | <b>Tên Quỹ:</b><br>Fund name:                               | <b>Quỹ Đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI</b><br>SSI Sustainable Competitive Advantage Fund (SSI-SCA) |
| 4 | <b>Ngày lập báo cáo:</b><br>Reporting Date:                 | <b>Ngày 12 tháng 11 năm 2025</b><br>12-Nov-2025                                                           |

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT<br>No. | Chỉ tiêu<br>Criteria                                                                                                                                              | Mã số<br>Code | Kỳ báo cáo<br>This period | Kỳ trước<br>Last period |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|-------------------------|
| 1          | <b>Giá trị tài sản ròng</b><br><b>Net Asset Value</b>                                                                                                             |               |                           |                         |
| 1.1        | của quỹ/ of the Fund                                                                                                                                              |               | 1.220.277.743.108         | 1.238.906.825.927       |
| 1.2        | của một lô chứng chỉ quỹ ETF/ per lot of Fund<br>Certificate (không áp dụng/ not applicable)                                                                      |               |                           |                         |
| 1.3        | của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate                                                                                                                       |               | 44.081,55                 | 43.712,28               |
| 2          | <b>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ<br/>niêm yết) (*)</b><br><b>Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable<br/>for listed fund) (*)</b> |               |                           |                         |
| 2.1        | Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates                                                                                                               |               | 5.329.764,72              | 6.083.986,92            |
| 2.2        | Tổng giá trị/ Total value                                                                                                                                         |               | 234.944.289.993           | 265.944.939.763         |
| 2.3        | Tỷ lệ sở hữu/ Ownership Ratio                                                                                                                                     |               | 19,25%                    | 21,47%                  |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
Authorised Representative of Supervisory Bank

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ**  
Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

**Vũ Quang Phan**  
Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI